

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

**QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
VIỆT NAM (VF1)**

MỤC LỤC

CÁC ĐỊNH NGHĨA	1
CHƯƠNG I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	4
Điều 1: Tên và địa chỉ liên hệ.....	4
Điều 2: Mục tiêu	4
Điều 3: Thời hạn hoạt động	4
Điều 4: Nguyên tắc tổ chức	4
Điều 5: Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành.....	5
Điều 6: Chỉ định đại diện huy động vốn và phát hành chứng chỉ Quỹ.....	5
Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH & HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	5
Điều 7: Mục tiêu đầu tư.....	5
Điều 8: Chính sách đầu tư.....	5
Điều 9: Hạn chế đầu tư.....	6
CHƯƠNG III: NGƯỜI ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CHỨNG CHỈ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ	7
Điều 10: Người đầu tư	7
Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của người đầu tư	7
Điều 12: Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1	8
Điều 13: Chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư.....	8
Điều 14: Thừa kế chứng chỉ Quỹ đầu tư	9
CHƯƠNG IV: PHÂN PHỐI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG.....	9
Điều 15: Phương thức trả cổ tức Quỹ.....	9
Điều 16: Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ	10
CHƯƠNG V: ĐẠI HỘI NGƯỜI ĐẦU TƯ	10
Điều 17: Đại hội người đầu tư thường niên	10
Điều 18: Đại hội người đầu tư bất thường	10
Điều 19: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội người đầu tư.....	11
Điều 20: Thể thức tiến hành Đại hội người đầu tư.....	12
Điều 21: Quyết định của Đại hội người đầu tư.....	12
CHƯƠNG VI: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	13
Điều 22: Tổ chức Ban đại diện Quỹ	13

Điều 23:	Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ	14
Điều 24:	Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện Quỹ	14
Điều 25:	Chủ tịch Ban đại diện Quỹ	15
Điều 26:	Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ	15
Điều 27:	Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ	16
Điều 28:	Biên bản họp Ban đại diện Quỹ	16
CHƯƠNG VII: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....		17
Điều 29:	Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý Quỹ	17
Điều 30:	Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý Quỹ.....	17
Điều 31:	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý Quỹ.....	18
Điều 32 :	Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý Quỹ.....	18
CHƯƠNG VIII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		19
Điều 33:	Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát	19
Điều 34:	Trách nhiệm và quyền hạn của ngân hàng giám sát.....	19
Điều 35:	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát.....	20
CHƯƠNG IX: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO		20
Điều 36:	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	20
Điều 37:	Năm tài chính	20
Điều 38:	Chế độ kế toán.....	21
Điều 39:	Báo cáo tài chính.....	21
Điều 40:	Báo cáo khác.....	21
CHƯƠNG X: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ		21
Điều 41:	Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	21
Điều 42:	Phương pháp xác định giá trị tài sản Quỹ	21
CHƯƠNG XI: PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ.....		22
Điều 43:	Phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ đầu tư.....	22
CHƯƠNG XII: GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ ĐẦU TƯ.....		22
Điều 44:	Các điều kiện giải thể Quỹ đầu tư	22
Điều 45:	Thủ tục giải thể Quỹ đầu tư	22
Điều 46:	Thanh lý tài sản Quỹ đầu tư khi giải thể	23

CHƯƠNG XIII: PHÍ QUẢN LÝ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC.....	23
Điều 47: Phí đăng ký mua chứng chỉ Quỹ.....	23
Điều 48: Phí quản lý.....	23
Điều 49: Phí lưu ký và giám sát.....	23
Điều 50: Chi phí khác	24
Điều 51: Thuởng hoạt động	24
CHƯƠNG XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	25
Điều 52: Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ đầu tư VF1 và các Quỹ đầu tư khác	25
CHƯƠNG XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ	25
Điều 53: Công bố thông tin	25
Điều 54: Điều khoản thi hành	26
Điều 55: Thay đổi điều lệ.....	26
Điều 56: Đăng ký điều lệ.....	26
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	27
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	28
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	29
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN QUỸ VÀ THUỞNG HOẠT ĐỘNG	30
I. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1.....	30
II. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH THUỞNG HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ VF1.....	32

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Những từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt điều lệ này:

“Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam”	(Sau đây gọi là Quỹ đầu tư Chứng khoán có phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư ra công chúng và gọi tắt là Quỹ đầu tư VF1) là Quỹ đầu tư chứng khoán có mức vốn góp của các người đầu tư ban đầu là 300 tỷ đồng được thành lập theo Nghị định 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2003 và các văn bản pháp luật có liên quan của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).
“Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý Quỹ VFM) là một liên doanh giữa công ty Dragon Capital Management và ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, được thành lập theo giấy phép số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15 tháng 7 năm 2003 cấp bởi UBCKNN. Công ty quản lý Quỹ VFM là Công ty quản lý Quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VF1.
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo giấy phép số 0006/NH-GP ngày 05/12/1991 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo luật ngân hàng Việt Nam, là đối tác liên doanh trong Công ty quản lý Quỹ VFM và là sáng lập viên của Quỹ đầu tư VF1.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là đối tác liên doanh trong Công ty quản lý Quỹ VFM và là sáng lập viên của Quỹ đầu tư VF1.
“Ngân hàng giám sát – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank”	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng giám sát), là ngân hàng giám sát theo giấy phép số 14/GPHĐLK cấp ngày 02 tháng 05 năm 2003 bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đầu tư VF1, thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 và Công ty quản lý Quỹ VFM.
“Công ty kiểm toán – Công ty Ernst & Young”	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán), là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ đầu tư VF1, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VF1 theo giấy phép số 75/QĐ-UBCK ngày 8/07/2002 cấp bởi UBCKNN.
“Điều lệ”	Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được các người đầu tư thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2004. Trong lần huy động Quỹ đầu tiên, điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

“Bản cáo bạch”	Là bản thông cáo của tổ chức phát hành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát Vietcombank được thông qua bởi Đại hội Người đầu tư của Quỹ VF1.
“Quỹ đầu tư chứng khoán đóng”	(Sau đây gọi tắt là Quỹ đóng) là Quỹ đầu tư chứng khoán trong đó người đầu tư không được quyền bán lại chứng chỉ Quỹ cho Quỹ trước thời hạn kết thúc hoạt động hoặc giải thể.
“Người đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài đầu tư vào Quỹ đầu tư VF1.
“Đại hội người đầu tư”	Là đại hội của người đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư VF1. Đại hội người đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF1.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho người đầu tư được Đại hội người đầu tư bầu ra để thay mặt người đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ đầu tư VF1, Công ty quản lý Quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ Quỹ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Người đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ Quỹ được chia thành nhiều phần bằng nhau với mệnh giá 10.000 đồng/ đơn vị.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1”	(Sau đây gọi là chứng chỉ) là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty quản lý Quỹ VFM đại diện cho Quỹ đầu tư VF1 phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ đầu tư VF1 theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của người đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF1.
“Giá phát hành”	Là giá của mỗi đơn vị Quỹ được phát hành lần đầu tương đương mệnh giá của đơn vị Quỹ cộng với phí đặt mua là 300 đồng/đơn vị.
“Phí phát hành”	Là phí của Quỹ đầu tư VF1 trả cho Công ty quản lý Quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ Quỹ VF1 ra công chúng. Phí này chỉ được thu một lần ngay khi phát hành và tối đa là 3% trên đơn vị Quỹ của đợt phát hành đó.

“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Người đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Người đầu tư.
“Ngày đóng Quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN chấp thuận.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được tính từ ngày Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động chính thức cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm định giá.
“Thời điểm định giá”	Ngày làm việc cuối cùng mỗi tháng hoặc những ngày khác mà Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 xác định để định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1.
“Thưởng hoạt động”	Là khoản thưởng được Quỹ đầu tư VF1 trả thêm cho Công ty quản lý Quỹ VFM ngoài phí quản lý. Thưởng hoạt động được trình bày chi tiết tại Phụ lục 4 của Điều lệ này.
“Người có liên quan”	Được hiểu theo khái niệm Người có liên quan tại Nghị định 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2003 và các tổ chức có cùng một thành viên hoặc nhóm thành viên nắm giữ hoặc cùng nắm giữ từ 10% trở lên vốn chủ sở hữu có quyền biểu quyết.

Chương I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đầu tư : **QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**
Tên giao dịch quốc tế : **VIETNAM SECURITIES INVESTMENT FUND**
Tên viết tắt : **QUỸ ĐẦU TƯ VF1**
Địa chỉ liên hệ : Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)
Tầng 8, Toà nhà Bitexco, 19-25 Nguyễn Huệ
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 9143393 Fax: (84.8) 9143392
Email: VF1info@vinafund.com www.vinafund.com

Điều 2: Mục tiêu

1. Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam là một Quỹ đóng sau đây được gọi là “Quỹ đầu tư VF1”, được thành lập và hoạt động theo Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 về Chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK) và các văn bản pháp lý khác có liên quan.
2. Quỹ đầu tư VF1 được quản lý bởi Công ty quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM) với mục đích đem lại lợi nhuận cao nhất cho người đầu tư phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam, bản cáo bạch và điều lệ của Quỹ đầu tư VF1.

Điều 3: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 là **10 (mười) năm** hoặc là thời hạn tối đa có thể được phép theo pháp luật và được Đại hội người đầu tư quyết định, tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và đăng ký lập Quỹ chính thức với cơ quan có thẩm quyền, và có thể gia hạn.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ đầu tư VF1 hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về Chứng khoán và TTCK, và hệ thống luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các quy định trong bản Điều lệ này.
2. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF1 là Đại hội người đầu tư.
3. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 sẽ thay mặt Đại hội người đầu tư giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ đầu tư VF1, Công ty quản lý Quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
4. Công ty quản lý Quỹ VFM sẽ đại diện cho Đại hội người đầu tư thực hiện việc quản lý đầu tư đối với Quỹ đầu tư VF1.

Điều 5: Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành

1. Tổng vốn của Quỹ đầu tư VF1 do vốn đóng góp của người đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Tiền mặt được nộp hoặc chuyển khoản cho:

Đơn vị thụ hưởng : QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
Số tài khoản : 0071-001-999-001
Mở tại : Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
Nội dung : Mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1
Trong trường hợp thanh toán bằng ngoại tệ thì được chuyển đổi sang tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán của Ngân hàng Vietcombank.

2. Vốn đóng góp của Quỹ đầu tư VF1 vào ngày Điều lệ này ký kết và có hiệu lực là 300 tỷ đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành 30.000.000 đơn vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị Quỹ là 10.000 đồng.
3. Việc tăng hay giảm vốn huy động của Quỹ đầu tư VF1 phải do Đại hội người đầu tư quy định và được UBCKNN cho phép.

Khi có sự thay đổi về vốn của Quỹ đầu tư VF1, điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

Điều 6: Chỉ định đại diện huy động vốn và phát hành chứng chỉ Quỹ

Quỹ đầu tư VF1 chỉ định Công ty quản lý Quỹ VFM làm đại diện huy động vốn và đại lý phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1. Việc phát hành phải được sự giám sát của UBCKNN và Ngân hàng giám sát.

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH & HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 7: Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 là xây dựng được một danh mục đầu tư cân đối và đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro thông qua việc xây dựng danh mục cân đối và đa dạng bao gồm các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ còn nhắm đến trong quá trình đầu tư là làm tăng giá trị các khoản đầu tư thông qua việc giúp các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh...

Điều 8: Chính sách đầu tư

1. Cơ cấu đầu tư

Quỹ đầu tư VF1 là loại hình Quỹ đầu tư chứng khoán cho nên cơ cấu đầu tư sẽ được phân bổ như sau: tối thiểu 60% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết, phần còn lại sẽ được đầu tư vào các loại tài sản khác như các công cụ của thị trường tiền tệ, bất động sản, tiền mặt dự trữ. Riêng đối với bất động sản, Quỹ đầu tư VF1 không đầu tư quá 10% tổng tài sản của Quỹ đầu tư VF1 vào lĩnh vực này.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư

Quỹ đầu tư VF1 sẽ tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề sau (các ngành nghề này có thể có thay đổi tùy theo chiến lược đầu tư trong từng giai đoạn):

- a. Ngành chế biến nông lâm thủy hải sản;
- b. Ngành tài chính ngân hàng;
- c. Ngành du lịch và khách sạn;
- d. Ngành giáo dục và y tế;
- e. Ngành hàng tiêu dùng;
- f. Ngành vận tải hàng hóa;
- g. Ngành tiện ích công cộng;
- h. Bất động sản;
- i. Các công cụ của thị trường tiền tệ.

Điều 9: Hạn chế đầu tư

Công ty quản lý Quỹ chỉ được đầu tư vốn của Quỹ đầu tư VF1 vào chứng khoán hoặc tài sản khác phù hợp với điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật, do đó Quỹ đầu tư VF1 sẽ:

1. Căn cứ vào quy mô của Quỹ đầu tư VF1
 - a. Không được đầu tư quá 20% toàn bộ tài sản của Quỹ cho một công ty hoặc một tổ chức phát hành đã niêm yết hoặc chưa niêm yết trên TTCK Việt Nam;
 - b. Không đầu tư quá 40% tài sản của Quỹ vào một ngành trừ khi có nghị quyết đặc biệt của Đại hội người đầu tư;
 - c. Không được đầu tư quá 30% tổng tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một tập đoàn hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu lẫn nhau;
 - d. Không được đầu tư quá 10% tổng tài sản của Quỹ vào bất động sản;
 - e. Không được dùng các Quỹ do cùng một Công ty quản lý Quỹ quản lý, đầu tư vượt quá 49% tổng giá trị của một loại chứng khoán của tổ chức phát hành.
2. Căn cứ vào quy mô của khoản đầu tư:
 - a. Không được đầu tư quá 15% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành;
 - b. Không đầu tư vào Quỹ đầu tư chứng khoán khác;
 - c. Khi đầu tư quá 5% tổng vốn của một công ty do các thành viên Ban Đại diện của Quỹ đầu tư VF1 hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý Quỹ VFM sở hữu thì phải có sự chấp thuận, nhất trí 100% bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ.

CHƯƠNG III: NGƯỜI ĐẦU TƯ, SỞ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CHỨNG CHỈ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 10: *Người đầu tư*

1. Người đầu tư của Quỹ đầu tư có thể là pháp nhân hay thể nhân trong và ngoài nước, sở hữu tối thiểu là 1.000 (một nghìn) chứng chỉ Quỹ đầu tư trở lên và không có giới hạn tối đa trong mức tổng vốn dự kiến phát hành. Người đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bồn phận gì với Quỹ đầu tư ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ đầu tư mà họ góp đủ.
2. Người đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế và các tổ chức xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Người đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ Quỹ đầu tư mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của người đầu tư pháp nhân ký.
3. Người đầu tư sáng lập của Quỹ đầu tư bao gồm:
 - Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank - Việt Nam)
 - Công ty Dragon Capital Management Limited (DCM - British Virgin Islands - Vương Quốc Anh)

Điều 11: *Quyền và nghĩa vụ của người đầu tư*

1. Người đầu tư có các quyền:
 - a. Được chia cổ tức Quỹ theo quyết định của Đại hội người đầu tư dựa trên cơ sở của kết quả hoạt động kinh doanh của mỗi cuối năm tài chính tương đương với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong Quỹ.
 - b. Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 theo quy định tại điều 13 của Điều lệ này.
 - c. Được chia số tài sản còn lại khi Quỹ đầu tư VF1 thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ đầu tư VF1 người đầu tư sở hữu (nếu còn).
 - d. Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên hàng tháng và đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 và báo cáo hàng tháng về giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1.
 - e. Được quyền ưu tiên tham gia mua thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 nếu Quỹ đầu tư VF1 huy động thêm vốn mới, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ đầu tư VF1 người đầu tư sở hữu.
 - f. Được ứng cử và bầu vào Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1.
 - g. Quyết định cùng với Đại hội người đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư theo điều 19 của Điều lệ này.

2. Các người đầu tư có nghĩa vụ:
 - a. Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội người đầu tư.
 - b. Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã góp.
 - c. Thực hiện đúng theo những quy định trong Điều lệ này.
 - d. Chịu lỗ tương ứng với phần góp vốn (nếu có).

Điều 12: Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1

1. Ngân hàng giám sát phải lập và lưu giữ sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 từ khi Quỹ đầu tư VF1 hoàn tất đợt phát hành đầu tiên. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ phải có các nội dung sau:

- a. Tên Quỹ đầu tư;
 - b. Tên, số giấy phép, trụ sở của Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - c. Tổng số chứng chỉ được quyền chào bán, loại chứng chỉ được quyền chào bán và số chứng chỉ được chào bán cho từng đợt;
 - d. Tổng số chứng chỉ đã bán của từng đợt và giá trị của vốn đã góp;
 - e. Tên người đầu tư, địa chỉ, số lượng từng đợt của mỗi người đầu tư, ngày đăng ký chứng chỉ;
2. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ được lưu giữ tại trụ sở Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN và tất cả người đầu tư biết.

Điều 13: Chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư

1. Quỹ đầu tư VF1 và Công ty quản lý Quỹ VFM không chịu trách nhiệm mua lại chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1. Tuy nhiên, để tạo thanh khoản cho người đầu tư Quỹ đầu tư VF1 sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14: Thừa kế chứng chỉ Quỹ đầu tư

1. Trường hợp một Người đầu tư qua đời, chỉ những người sau đây được Quỹ đầu tư công nhận có quyền sở hữu đối với chứng chỉ Quỹ đầu tư của người đã mất:
 - a. Người thừa kế duy nhất theo đúng pháp luật thừa kế của nước CHXHCN Việt Nam.
 - b. Nếu có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền được công chứng. Quỹ đầu tư chỉ thừa nhận người đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Bất kỳ người nào được quyền thừa kế hợp pháp các Chứng chỉ Quỹ đầu tư của Quỹ đầu tư, ngay sau khi trình đủ giấy tờ chứng minh thừa kế hợp pháp sẽ:
 - a. Được đăng ký làm sở hữu chủ các Chứng chỉ Quỹ đầu tư được thừa kế.
 - b. Chuyển nhượng các Chứng chỉ Quỹ đầu tư này cho người khác ngay sau khi cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu mà các thành viên Ban đại diện yêu cầu và việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 13 chương này.

Chương IV: PHÂN PHỐI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 15: Phương thức trả cổ tức Quỹ

1. Việc trả cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư VF1 phải được thực hiện theo nguyên tắc: sau khi cổ tức Quỹ được trả, Quỹ đầu tư VF1 vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. Cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư VF1 được trả cho người đầu tư Quỹ phải là thu nhập thực tế phát sinh.
2. Nếu xét thấy phù hợp, Ban đại diện Quỹ có thể tạm ứng cho người đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ đầu tư VF1 cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết 06 (sáu) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá 12 (mười hai) tháng cho các người đầu tư ở mức đã ấn định.
3. Chậm nhất 30 ngày trước thời điểm trả cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư VF1, Ngân hàng giám sát phải chịu trách nhiệm lập danh sách Người đầu tư có quyền nhận cổ tức Quỹ, xác định mức cổ tức Quỹ trả đối với từng đơn vị Quỹ hoặc phần vốn góp, thời hạn và hình thức trả cổ tức Quỹ. Thông báo về trả cổ tức Quỹ phải được gửi đến tất cả người đầu tư chậm nhất 15 ngày làm việc trước khi thực hiện trả cổ tức Quỹ. Thông báo phải ghi rõ tên Quỹ, tên, địa chỉ của người đầu tư, số đơn vị Quỹ hoặc phần vốn góp của người đầu tư, mức thu nhập cổ tức Quỹ và tổng giá trị cổ tức Quỹ mà người đầu tư đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức Quỹ.
4. Người đầu tư chuyển nhượng vốn góp hoặc đơn vị Quỹ của mình trong khoảng thời gian từ thời điểm khóa sổ danh sách người đầu tư tới thời điểm trả cổ tức Quỹ, thì người chuyển nhượng là người được nhận cổ tức của Quỹ.

Điều 16: Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trường hợp Quỹ đầu tư VF1 đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ đầu tư VF1 bị thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì Ban đại diện Quỹ đệ trình lên Đại hội người đầu tư để quyết định theo các giải pháp sau:

- a. Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới.
- b. Mỗi người đầu tư góp thêm để bù vào phần thua lỗ tương ứng với vốn góp của mình.

Chương V: ĐẠI HỘI NGƯỜI ĐẦU TƯ

Điều 17: Đại hội người đầu tư thường niên

1. Đại hội người đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư và tất cả các người đầu tư có tên trong danh sách đăng ký người đầu tư đều có quyền tham dự. Đại hội người đầu tư thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và thời gian cách nhau không quá 15 (mười lăm) tháng giữa hai kỳ đại hội.
2. Đại hội người đầu tư thường niên do Ban đại diện hoặc Công ty quản lý Quỹ triệu tập và tổ chức.

Điều 18: Đại hội người đầu tư bất thường

1. Tất cả các người đầu tư có tên trong danh sách đăng ký người đầu tư đều có quyền tham dự Đại hội người đầu tư bất thường.
2. Đại hội người đầu tư được Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trường hợp quỹ không có ban đại diện) triệu tập họp bất thường trong những trường hợp sau đây:
 - a. Có những thay đổi quan trọng trong môi trường hoạt động đầu tư và tình hình đầu tư của quỹ và quyết định các vấn đề quy định tại điều 19 của Điều lệ này;
 - b. Công ty quản lý quỹ bị phá sản, bị đình chỉ hoạt động;
 - c. Công ty quản lý quỹ vi phạm nghiêm trọng Điều lệ quỹ;
 - d. Khi Ban đại diện hoặc ngân hàng giám sát nhận được yêu cầu của người đầu tư hoặc nhóm người đầu tư sở hữu liên tục trong 6 tháng từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán đang lưu hành.
3. Trường hợp Ban đại diện hoặc ngân hàng giám sát không triệu tập họp theo quy định tại điểm d khoản 2 điều này, người đầu tư hoặc nhóm người đầu tư sở hữu từ 10% tổng số chứng chỉ đầu tư đang lưu hành trở lên liên tục trong 6 tháng được quyền đứng ra triệu tập Đại hội người đầu tư.

4. Việc triệu tập Đại hội người đầu tư theo các quy định của khoản 2 và 3 điều này phải được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ khi tình huống đó xảy ra. Chậm nhất 10 ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội người đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai cho người đầu tư về việc triệu tập Đại hội người đầu tư.
5. Chi phí cho việc tổ chức Đại hội người đầu tư do Quỹ đầu tư thanh toán.

Điều 19: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội người đầu tư

Đại hội người đầu tư có các nhiệm vụ và quyền hạn:

- Bầu Chủ tọa phiên họp Đại hội người đầu tư;
- Sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ này;
- Quyết định tổng số chứng chỉ đầu tư được quyền chào bán;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Ban đại diện Quỹ, gây thiệt hại cho Quỹ đầu tư và người đầu tư;
- Thay đổi chính sách trả cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư;
- Thay đổi chủ trương, chiến lược quan trọng, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;
- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Sửa đổi, bổ sung hợp đồng giám sát;
- Thay đổi Công ty quản lý Quỹ;
- Thay đổi ngân hàng giám sát;
- Thay đổi mức phí trả cho Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát;
- Quyết định thù lao của Ban đại diện Quỹ;
- Kiểm tra sổ sách của Quỹ, Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ tại phiên họp Đại hội người đầu tư;

Điều 20: Thể thức tiến hành Đại hội người đầu tư

1. Đại hội người đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì phó Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội người đầu tư bầu ra sẽ chủ trì
2. Cuộc họp Đại hội người đầu tư được tiến hành khi có số người đầu tư đại diện ít nhất 51% tổng số chứng chỉ Quỹ đầu tư đang lưu hành.
3. Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội người đầu tư triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số người đầu tư đại diện ít nhất 30% tổng số chứng chỉ đầu tư đang lưu hành.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội người đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số người đầu tư dự họp.
5. Hình thức biểu quyết thông qua quyết định Đại hội người đầu tư có thể là bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết bằng giơ tay trực tiếp. Hình thức biểu quyết sẽ do Chủ tọa Đại hội người đầu tư quyết định trước mỗi lần họp Đại hội người đầu tư và thông báo cho người đầu tư biết khi bắt đầu tiến hành đại hội.
6. Việc triệu tập họp và nội dung họp Đại hội người đầu tư phải được báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm nhất 10 ngày làm việc trước khi tiến hành đại hội.
7. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu thay đổi nội dung họp nếu thấy nội dung trái với quy định của pháp luật hoặc có thể làm tổn hại nghiêm trọng đến quyền lợi của Người đầu tư.

Điều 21: Quyết định của Đại hội người đầu tư

1. Đại hội người đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội người đầu tư được thông qua nếu số người đầu tư đại diện ít nhất 51% tổng số chứng chỉ đầu tư đang lưu hành chấp thuận.
2. Ban đại diện, Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm tuân thủ quyết định của Đại hội người đầu tư.

3. Quyết định của Đại hội người đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi:
 - a. Được số người đầu tư đại diện ít nhất 51% tổng số chứng chỉ đầu tư đang lưu hành của tất cả người đầu tư dự họp chấp thuận;
 - b. Đối với quyết định về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Quỹ đầu tư; tổ chức lại, giải thể Quỹ đầu tư thì phải được số người đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số chứng chỉ đầu tư đang lưu hành của tất cả những người đầu tư dự họp chấp thuận;
4. Quyết định của Đại hội người đầu tư và biên bản Đại hội người đầu tư sẽ được báo cáo tới UBCKNN trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc Đại hội.

Chương VI: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 22: Tổ chức Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ do Đại hội người đầu tư bầu ra. Ban đại diện Quỹ là cơ quan quản lý cao nhất của Quỹ đầu tư, có số thành viên là 07 (bảy) người, trong đó có ít nhất 40% số thành viên độc lập với Công ty quản lý Quỹ.
2. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 3 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội người đầu tư tiếp theo. Tại mỗi kỳ Đại hội người đầu tư thường niên phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ phải được bầu hoặc bầu lại.
3. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ do các thành viên Ban đại diện Quỹ bầu hoặc bãi miễn bằng đa số phiếu theo thể thức biểu quyết.
4. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ là người đại diện chính thức của Quỹ đầu tư. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ được ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên Ban đại diện Quỹ khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
5. Dự kiến Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 trong nhiệm kỳ đầu có bảy thành viên, trong đó:
 - Sáng lập viên: hai thành viên đại diện cho ngân hàng Sacombank và công ty tài chính DCM;
 - Đại diện người đầu tư cá nhân, pháp nhân: bốn thành viên,

Ngoài ra, Quỹ đầu tư VF1 sẽ mời một đại diện độc lập là người có nhiều uy tín và am hiểu về thị trường tài chính, chứng khoán.

Điều 23: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ phải hội đủ các điều kiện sau:

1. Là người đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của người đầu tư là pháp nhân, sở hữu ít nhất 3% vốn điều lệ hoặc những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là Người có liên quan đến Công ty quản lý Quỹ.
2. Phải được UBCKNN chấp thuận cho giữ chức vụ thành viên Ban đại diện Quỹ;
3. Chủ tịch và Phó Chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư;

Điều 24: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ là cơ quan đại diện quyền lợi của người đầu tư. Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chào bán chứng chỉ mới trong phạm vi số chứng chỉ được phép phát hành theo điều lệ Quỹ đầu tư;
 - b. Thông qua các quyết định đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư;
 - c. Giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ phù hợp với điều lệ Quỹ đầu tư và pháp luật;
 - d. Xác nhận báo cáo tài chính năm của Quỹ đầu tư do Công ty quản lý Quỹ lập;
 - e. Phê chuẩn hợp đồng liên quan đến việc phân phối và phát hành chứng chỉ đầu tư, hợp đồng giám sát;
 - f. Phê chuẩn quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư;
 - g. Phê chuẩn các giao dịch của các bên liên quan đến Công ty quản lý Quỹ;
 - h. Kiến nghị chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ đầu tư;
 - i. Kiến nghị mức cổ tức Quỹ được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả lợi tức;
 - j. Kiến nghị việc thay đổi Công ty quản lý Quỹ hoặc ngân hàng giám sát;
 - k. Nội dung e, f, g của điều khoản này phải được các thành viên độc lập thông qua theo nguyên tắc nhất trí;

2. Ban đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
 - a. Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ người đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
 - b. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho người đầu tư vay tiền;
 - c. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
 - d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
3. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động của Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ và các thành viên chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trước pháp luật, trước người đầu tư về các hoạt động của Ban đại diện Quỹ.

Điều 25: Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban đại diện Quỹ
2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch của Ban đại diện Quỹ;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
 - c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;

Điều 26: Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Phiên họp do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ triệu tập và chủ tọa.
2. Ban đại diện Quỹ sẽ triệu tập phiên họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ, hoặc Công ty quản lý Quỹ, hoặc ngân hàng giám sát, hoặc trên 2/3 số thành viên Ban đại diện Quỹ đề nghị.
3. Trong cuộc họp Ban đại diện Quỹ, mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ đại diện cho 01 (một) phiếu khi biểu quyết các vấn đề nêu ra. Các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban đại diện Quỹ hiện diện.

4. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua tại cuộc họp khi:
 - a. Được số phiếu đại diện ít nhất 2/3 số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
 - b. Đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Quỹ đầu tư, sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ Quỹ đầu tư, tổ chức lại, giải thể Quỹ đầu tư thì phải được số phiếu đại diện cho ít nhất 3/4 số thành viên dự họp chấp thuận.
5. Các thành viên Ban đại diện Quỹ được hưởng thù lao, và được hoàn lại các chi phí hợp lý để trang trải cho việc đi dự các phiên họp của Ban đại diện Quỹ hoặc đi công tác cho Quỹ đầu tư.
6. Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát được quyền tham gia các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
7. Các chi phí tiến hành họp Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ đầu tư thanh toán.

Điều 27: Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn tư cách theo điều 19 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:

- a. Bị khởi tố hoặc truy tố;
- b. Bị tòa án tuyên bố mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
- d. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
- e. Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Bản Điều lệ này;
- f. Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ đầu tư;

Điều 28: Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có đủ năng lực của Công ty quản lý Quỹ làm nhiệm vụ thư ký cho các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ. Thư ký do Ban đại diện Quỹ chỉ định có trách nhiệm lập đầy đủ tất cả các biên bản liên quan đến các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ.
2. Tất cả nội dung của các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ hay bất cứ các cuộc họp nào khác liên quan đến lợi ích và hoạt động của Quỹ đầu tư chỉ có giá trị pháp lý và thực hiện khi được ghi một cách đầy đủ và rõ ràng vào Sổ Biên Bản của Quỹ đầu tư, có chữ ký của các thành viên Ban đại diện Quỹ và Chủ tọa.

Chương VII: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 29: Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý Quỹ

Công ty quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ
- b. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát
- c. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ

Điều 30: Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý Quỹ

- 1 Công ty quản lý quỹ bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản quỹ trong phạm vi quản lý của mình với các tài sản của công ty quản lý quỹ và quỹ khác;
- 2 Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất của quỹ đầu tư do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại điều này;
- 3 Điều kiện giao dịch tài sản quỹ phải là tốt nhất có thể, phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ đề ra trong điều lệ quỹ và đảm bảo công bằng lợi ích của quỹ;
- 4 Tất cả các giao dịch chứng khoán của người quản lý và nhân viên của công ty quản lý quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại công ty quản lý quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- 5 Khi công ty quản lý quỹ giao dịch mua bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc) công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ quỹ;
- 6 Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc định giá chứng chỉ quỹ và xác định giá trị tài sản quỹ đúng quy định Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- 7 Trong trường hợp ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản quỹ nhằm phục hồi tài sản quỹ như trước khi có giao dịch đó với chi phí phát sinh do công ty quản lý quỹ chịu;
- 8 Công ty quản lý quỹ, ủy viên hội đồng quản trị công ty quản lý quỹ, người điều hành công ty quản lý quỹ, người điều hành quỹ và người có liên quan chỉ được mua, bán các chứng chỉ đầu tư do mình quản lý theo giá thị trường;
- 9 Công ty quản lý quỹ đảm bảo tách biệt về tổ chức và nhân sự hoạt động quản lý quỹ thành viên và quỹ công chúng;
- 10 Có trách nhiệm thay mặt Quỹ thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ,
- 11 Được tham gia các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ,
- 12 Được hưởng các khoản phí và thưởng theo quy định trong Điều lệ Quỹ; không được thu, chi trái với các quy định trong Điều lệ Quỹ,
- 13 Công ty quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 31: Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý Quỹ

1. Công ty quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty quản lý Quỹ được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ đầu tư, hoặc chuyển cho một Công ty quản lý Quỹ khác nếu được Đại hội người đầu tư chấp thuận và phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ;
 - b. Bị UBCKNN thu hồi giấy phép quản lý Quỹ;
 - c. Theo quyết định của Đại hội người đầu tư;
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý Quỹ khác phải theo quy định của UBCKNN.

Điều 32 : Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý Quỹ

1. Công ty quản lý Quỹ tuân thủ các quy định tại Điều 88 Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty quản lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế sau đây:
 - a. Thành viên Ban Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị Công ty quản lý Quỹ, người điều hành Quỹ hoặc người có liên quan không được phép mua tài sản của Quỹ cho công ty hoặc cho chính mình hoặc bán tài sản của mình cho Quỹ;
 - b. Công ty quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng giám sát tài sản của Quỹ;
 - c. Công ty quản lý Quỹ không được phép dùng vốn của một Quỹ để đầu tư vào một Quỹ khác;
 - d. Công ty quản lý Quỹ không được đầu tư Quỹ vào bất kỳ tài sản nào mà trong đó Công ty quản lý Quỹ, nhân viên và người có liên quan của Công ty quản lý Quỹ có quyền lợi tài chính hoặc phi tài chính trừ trường hợp có sự cho phép trước của Ban đại diện Quỹ;
 - e. Công ty quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình các khoản thu nhập, thưởng, chiết khấu giảm giá, hay lợi ích thu được từ việc sử dụng các định vụ giao dịch Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ đầu tư. Công ty quản lý Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào từ một tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ do mình quản lý trừ khi lợi ích này có tác dụng hỗ trợ trực tiếp cho việc quản lý Quỹ đầu tư liên quan;
 - f. Công ty quản lý Quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng chi phí và rủi ro không cần thiết cho Quỹ.

Chương VIII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 33: Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 93 Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán và phải được Ban đại diện Quỹ chấp nhận hoặc được Đại hội người đầu tư thông qua.
2. Ngân hàng giám sát phải chấp thuận thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được trình bày tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Bản Điều lệ này.

Điều 34: Trách nhiệm và quyền hạn của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát phải thực hiện đăng ký sở hữu, lưu ký tài sản Quỹ, thay mặt Quỹ thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ (ngoại trừ quyền bỏ phiếu), thanh toán giao dịch của Quỹ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ và lệnh hợp pháp của Công ty quản lý Quỹ;
2. Ngân hàng giám sát phải quản lý tách biệt tài sản Quỹ với tài sản của ngân hàng giám sát, các Quỹ khác và các tài sản khác; trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
3. Ngân hàng giám sát phải lưu giữ đầy đủ, hệ thống, rõ ràng, chính xác, dễ hiểu và thống nhất mọi tài liệu về đăng ký sở hữu, lưu ký, thanh toán, giao dịch, kế toán, báo cáo tài chính, hoạt động của Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
4. Ngân hàng giám sát phải xác nhận các báo cáo do Công ty quản lý Quỹ lập có liên quan tới tài sản và hoạt động của Quỹ; hàng tháng ngân hàng giám sát cùng Công ty quản lý Quỹ kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo cân đối các số liệu về giao dịch tài sản Quỹ và các tài khoản kế toán của Quỹ do hai bên thực hiện và hạch toán trong tháng theo quy định tại điều lệ Quỹ, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật kế toán;
5. Trong trường hợp ngân hàng giám sát xác định mức độ sai lệch trong định giá chứng chỉ Quỹ là đáng kể, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người đầu tư, ngân hàng giám sát phải yêu cầu Công ty quản lý Quỹ lập tức có biện pháp khắc phục phù hợp nhằm đảm bảo công bằng cho các bên;
6. Được tham gia các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ;
7. Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật và các thỏa thuận đối với Công ty quản lý Quỹ như đã được xác định trong hợp đồng giám sát;
8. Khi phát hiện Ban đại diện Quỹ, Công ty quản lý Quỹ tiến hành các hoạt động vi phạm pháp luật hoặc trái với Điều lệ Quỹ phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
9. Ngân hàng giám sát chỉ được hưởng các lợi ích quy định trong Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát; không được nhận bất cứ một lợi ích nào khác cho chính mình hoặc cho người thứ ba;

Điều 35: Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Ngân hàng giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b. Ngân hàng giám sát tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản hoặc mất khả năng thanh toán;
 - c. Khi ngân hàng giám sát vi phạm nghiêm trọng điều lệ Quỹ và pháp luật trong việc giám sát và bảo quản tài sản Quỹ và vi phạm này không được khắc phục, sau 60 ngày kể từ ngày ngân hàng giám sát bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở bằng văn bản;
 - d. Theo quyết định của Đại hội người đầu tư.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của UBCKNN.

Chương IX: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 36: Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Hàng năm, Công ty quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai công ty kiểm toán để trình Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ sẽ quyết định công ty kiểm toán được lựa chọn tiến hành kiểm toán cho Quỹ đầu tư.
2. Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a. Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.
 - b. Được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - c. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - d. Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư và công ty niêm yết.
3. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư tối đa trong ba năm liên tục nhưng phải phù hợp với giấy phép của UBCKNN. Sau khoảng thời gian này, Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một công ty kiểm toán mới.

Điều 37: Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được tính từ ngày Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động chính thức cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 38: Chế độ kế toán

Quỹ đầu tư VF1 sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ đầu tư VF1 do các cơ quan có thẩm quyền quy định (nếu có).

Điều 39: Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ đầu tư và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ đầu tư.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.
3. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ đầu tư phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và đến mỗi người đầu tư của Quỹ đầu tư.
4. Công ty quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

Điều 40: Báo cáo khác

Công ty quản lý Quỹ VFM phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

Chương X: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 41: Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ do Công ty quản lý Quỹ thực hiện và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều lệ Quỹ.
2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định ít nhất một tháng một lần và phải được thông báo công khai cho người đầu tư vào ngày làm việc tiếp theo ngày Ngân hàng giám sát xác nhận và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 42: Phương pháp xác định giá trị tài sản Quỹ

Xin tham chiếu tại Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản Quỹ

Chương XI: PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 43: Phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ đầu tư

1. Quỹ đầu tư VF1 có thể tăng vốn bằng cách gọi thêm vốn từ người đầu tư cũ và mới thông qua việc phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 mới trên thị trường chứng khoán trong và ngoài nước.
2. Việc tăng vốn như vậy phải tuân thủ các Quy chế có liên quan của UBCKNN.
3. Việc tăng vốn bằng hình thức phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 mới khi được chấp thuận sẽ thể hiện bằng những chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 mới mà số lượng tỷ lệ với số chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 hiện hữu trừ khi có thỏa thuận khác của tất cả các thành viên của Ban đại diện Quỹ ghi nhận bằng văn bản được UBCKNN chấp thuận.

Chương XII: GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 44: Các điều kiện giải thể Quỹ đầu tư

Việc giải thể, tạm ngừng hoạt động Quỹ đầu tư trước thời hạn phải được sự chấp thuận của Đại hội người đầu tư. Quỹ đầu tư chỉ được giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Quỹ đầu tư;
2. Giải thể Quỹ đầu tư nhằm để bảo vệ người đầu tư;
3. Theo quyết định của Đại hội người đầu tư.
4. Bị thu hồi giấy phép thành lập do vi phạm các quy định của Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

Điều 45: Thủ tục giải thể Quỹ đầu tư

Thủ tục giải thể Quỹ đầu tư như sau:

1. Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản Quỹ và hoàn trả tài sản Quỹ cho người đầu tư.
2. Tối thiểu 03 tháng trước ngày tiến hành giải thể, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý Quỹ phải triệu tập Đại hội người đầu tư và trình phương án giải thể Quỹ để Đại hội người đầu tư quyết định. Phương án giải thể Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 46: Thanh lý tài sản Quỹ đầu tư khi giải thể

1. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại trong khi giải thể được thanh toán theo trật tự ưu tiên sau:
 - a. Thanh toán nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có);
 - b. Thanh toán chi phí giải thể và các khoản nợ mà chủ nợ không phải là người đầu tư; Các khoản phải trả Công ty quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát phát sinh từ chi phí hợp pháp, hợp lệ do Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát ứng trước hoặc thay mặt Quỹ thanh toán trước thời điểm bắt đầu thủ tục giải thể; Các khoản phải trả về phí quản lý Quỹ, phí giám sát, bảo quản tính đến thời điểm Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình với Quỹ; Các khoản phải trả khác;
 - c. Thanh toán cho người đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của người đầu tư trong Quỹ.
2. Nếu như tài sản Quỹ đầu tư VF1 không đủ hoàn trả cho toàn bộ số vốn đã góp, khi phân phối, mỗi Người đầu tư sẽ chịu thiệt theo tỷ lệ đầu tư của mình tại Quỹ.

Chương XIII: PHÍ QUẢN LÝ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC

Điều 47: Phí đăng ký mua chứng chỉ Quỹ

Người đầu tư chỉ phải trả một lần phí đăng ký mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 khi phát hành. Phí đăng ký mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 tối đa là 3%/mệnh giá của đơn vị Quỹ.

Điều 48: Phí quản lý

Phí quản lý Quỹ là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1/năm và được thanh toán hàng tháng, phí này được trả cho Công ty quản lý Quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ đầu tư VF1.

Công thức tính phí quản lý được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ 2\% phí quản lý (năm) / 12 tháng} \times \text{NAV ngày cuối tháng}$$

Điều 49: Phí lưu ký và giám sát

1. Phí giám sát:
 - Trong 3 năm đầu tiên là 0,12% của tổng Giá Trị Tài Sản Ròng/năm.
 - Từ năm thứ 4 hai bên sẽ thống nhất mức phí giám sát áp dụng cho năm tiếp theo trước ngày 31.12 hàng năm.

Phí giám sát được trả hàng tháng, phí này được trả cho ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát.

Công thức tính phí giám sát được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ \% phí giám sát (năm) / 12 tháng} \times \text{NAV ngày cuối tháng}$$

2. Phí lưu ký:

- Miễn phí lưu ký cổ phiếu, trái phiếu trong năm đầu tiên;
- Các Tài Sản khác sẽ thu theo chi phí thực tế phát sinh do bên thứ ba (nếu có) thu của Ngân Hàng Giám Sát cho các Tài Sản của VF1 lưu ký tại Ngân Hàng Giám Sát.

Phí liên quan đến dịch vụ Ngân hàng giám sát được quy định tại Hợp đồng giám sát.

Điều 50: Chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
2. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
3. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
4. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
5. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
6. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
7. Chí phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Người đầu tư;
8. Chí phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Người đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
9. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, báo cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
10. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
12. Tổng cộng các khoản phí được nêu trong Điều 49 và Điều 50 không vượt quá 1%/ giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm.

Điều 51: Thưởng hoạt động

Quỹ đầu tư VF1 sẽ trả thưởng hoạt động cho Công ty quản lý Quỹ VFM khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 đạt một tỷ lệ nhất định.

Công thức tính thưởng hoạt động được đề cập tại phần II Phụ lục 4

Chương XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 52: Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ đầu tư VF1 và các Quỹ đầu tư khác

Nếu Công ty quản lý Quỹ VFM đồng thời quản lý Quỹ đầu tư VF1 và các Quỹ đầu tư khác (nếu có) thì Công ty quản lý Quỹ VFM phải:

- a. Độc lập về tổ chức và nhân sự hoạt động quản lý các Quỹ,
- b. Tách biệt về chiến lược và tiêu chí đầu tư,
- c. Không sử dụng và tài sản của Quỹ đầu tư VF1 để đầu tư vào một Quỹ khác và ngược lại.

Chương XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53: Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được thực hiện theo quy định của UBCKNN và Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được chuyển trực tiếp cho người ấy bằng báo miệng hoặc bằng văn bản gửi đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ thông báo cho Quỹ đầu tư.
3. Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho người đầu tư sẽ do Công ty quản lý Quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do người đầu tư đăng ký. Người đầu tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty quản lý Quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.
4. Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của người đầu tư một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã có dán tem và gửi đi đúng theo địa chỉ đăng ký.
5. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ đầu tư VF1 hoặc người điều hành của Quỹ đầu tư VF1 có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đầu tư VF1 đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ đầu tư VF1 hay người điều hành Quỹ nhận.
6. Các thông báo mà luật pháp bắt buộc phải đăng bố cáo 03 (ba) lần liên tiếp ít nhất trên một báo Trung ương.

Điều 54: Điều khoản thi hành

Quỹ đầu tư VF1 được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ và niêm yết chứng chỉ Quỹ. Công ty quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật

Điều 55: Thay đổi điều lệ

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại hội người đầu tư.

Điều 56: Đăng ký điều lệ

1. Bản Điều Lệ này bao gồm 15 chương, 56 điều và 4 Phụ lục được Đại hội người đầu tư Quỹ đầu tư VF1 thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam phê duyệt và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2004. Các bản trích hay sao y của Bản Điều lệ này do văn phòng Quỹ đầu tư VF1 cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 thì mới có giá trị.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:
 - 4 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
 - 2 bản lưu tại văn phòng của Quỹ đầu tư.
 - 3 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý Quỹ đầu tư.
 - 1 bản lưu tại văn phòng của ngân hàng giám sát.

Thực hiện tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2004

**THAY MẶT ĐẠI HỘI NGƯỜI ĐẦU TƯ
CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

HUỲNH QUẾ HÀ

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ đầu tư VF1:

- a. Cam kết thực hiện nghiệp vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, tận tụy và phù hợp;
Cam kết đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
Cam kết trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí theo quy định tại điều lệ Quỹ;
Cam kết bán chứng chỉ Quỹ cho các nhà đầu tư khi phát hành tại mức giá được tính toán theo quy định tại điều lệ Quỹ;
Cam kết cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - Các báo cáo hoạt động và tài chính của Công ty quản lý Quỹ;
 - Các báo cáo tài chính và báo cáo khác của Quỹ đầu tư; và
 - Các thông tin có liên quan đến Quỹ đầu tư VF1 hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ.
- b. Cam kết đảm bảo cung cấp miễn phí cho các nhà đầu tư bản sao điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) theo yêu cầu hoặc dựa trên một mức phí phù hợp.
- c. Cam kết không thực hiện quyền bỏ phiếu đối với các chứng chỉ Quỹ do công ty nắm giữ trong bất kỳ Đại hội người đầu tư nào của Quỹ.
- d. Cam kết không thực hiện bất cứ khoản đầu tư nào chưa có sự phê chuẩn của ngân hàng giám sát vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà bản thân công ty hoặc những người có liên quan đến công ty có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó.
- e. Cam kết không sử dụng vị thế của công ty trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
- f. Cam kết nghĩa vụ thực hiện công tác kế toán cho Quỹ đầu tư VF1 một cách trung thực, chính xác.
- g. Cam kết cung cấp bản sao các báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty quản lý Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
- h. Cam kết cung cấp miễn phí hoặc dựa trên cơ sở một mức phí hợp lý bản sao các báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư.
- i. Cam kết cung cấp cho các nhà đầu tư bản sao báo cáo hàng năm đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công ty quản lý Quỹ có xác nhận của Ngân hàng giám sát.
- j. Cam kết thực hiện việc định giá chứng chỉ Quỹ và xác định giá trị tài sản Quỹ đúng quy định của UBCKNN.
- k. Cam kết thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội người đầu tư.
- l. Cam kết thực hiện nghĩa vụ đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát cam kết các điều sau đây đối với Quỹ:

- a. Cam kết thực hiện một cách tận tụy và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát của mình đối với Quỹ.
- b. Cam kết thực hiện lưu ký, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ.
- c. Cam kết nghĩa vụ giám sát đảm bảo rằng Công ty quản lý Quỹ thực hiện đúng các hoạt động, tuân thủ điều lệ Quỹ, không làm tổn hại đến lợi ích của Người đầu tư.
- d. Cam kết thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức Quỹ và thu nhập được nhận hoặc được phân bổ của Quỹ.
- e. Cam kết tuân thủ các quy định khác của pháp luật.

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Hai bên cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.
- b. Hai bên cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ đảm bảo và tuân thủ hiệu lực của Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian tồn tại của Quỹ.
- c. Hai bên cùng cam kết về việc ngân hàng giám sát không được có quan hệ tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý Quỹ và ngược lại.
- d. Hai bên cùng cam kết về việc thành viên hội đồng quản trị, những người điều hành và nhân viên trực tiếp làm nhiệm vụ bảo quản tài sản Quỹ của ngân hàng giám sát không được là người có liên quan của Công ty quản lý Quỹ và ngược lại.
- e. Hai bên cùng cam kết rằng ngân hàng giám sát không là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN QUỸ VÀ THUỞNG HOẠT ĐỘNG

I. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1

1. Thời gian thực hiện việc định giá

Về nguyên tắc, chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 sẽ niêm yết trên TTGDCK nhằm tạo điều kiện cho các người đầu tư có thể chuyển nhượng một cách dễ dàng cũng như tạo điều kiện cho Quỹ đầu tư VF1 thực hiện việc huy động vốn thông qua TTCK. Do đó, việc định giá giá trị của Quỹ đầu tư VF1 phải được thực hiện hàng tháng (hoặc hàng tuần nếu các yếu tố kỹ thuật cho phép).

Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ do Công ty quản lý Quỹ thực hiện và có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ các quy định của UBCKNN và Điều lệ Quỹ.

2. Nguyên tắc thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng (nếu có)...) tại thời điểm định giá. Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

Tổng giá trị tài sản của Quỹ đầu tư VF1 bao gồm giá trị tài sản của các khoản đầu tư, cổ tức, lợi tức, lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi ngân hàng và một phần tiền mặt của Quỹ đầu tư VF1 chưa được đầu tư tính đến thời điểm định giá, trong đó:

2.1. Giá trị của các khoản đầu tư của Quỹ

Giá trị của các khoản đầu tư của Quỹ được định giá như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá của chứng khoán niêm yết được xác nhận là giá khớp lệnh gần thời điểm đánh giá nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và các Tài sản khác: việc xác định giá chứng khoán được tính dựa theo thứ tự ưu tiên của 03 chuẩn mực sau:
 - i. Giá của các loại chứng khoán chưa niêm yết : sẽ do hai công ty chứng khoán có uy tín cung cấp, giá của một chứng khoán nào đó sẽ là giá trung bình của giá do hai công ty chứng khoán cung cấp.
Việc lựa chọn hai công ty chứng khoán cung cấp giá loại chứng khoán này sẽ được thống nhất giữa VFM, Ngân Hàng Giám Sát và Ban đại diện Quỹ của VF1. Hai công ty chứng khoán được lựa chọn phải là công ty độc lập với Công ty quản lý Quỹ và có giao dịch chứng khoán đó.
 - ii. Giá theo Nhà định giá độc lập (thường được dùng đánh giá địa ốc): nhà định giá độc lập và phải được công nhận (ví dụ: Trung tâm giao dịch địa ốc của Á Châu hay Togi...)

- iii. Đánh giá theo giá trị đầu tư (cost price): giá chứng khoán hoặc Tài sản khác được xác định theo giá đầu tư ban đầu và không thay đổi trong suốt thời gian mà chứng khoán đó chưa được chuyển nhượng.

2.2. Cổ tức, lợi tức, lợi nhuận, bao gồm:

- Cổ tức của các loại cổ phiếu
- Lợi tức của trái phiếu,
- Lợi nhuận của các khoản đầu tư

2.3. Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền chưa đầu tư tính đến thời điểm xác định giá trị tài sản ròng:

Là khoản lãi nhận được trên số dư tiền mặt trong thời gian chưa giải ngân để đầu tư tại tài khoản của Quỹ đầu tư VF1 mở tại ngân hàng giám sát tính đến thời điểm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1.

2.4. Phương thức xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị đơn vị Quỹ

2.4.1 Giá trị tài sản ròng của Quỹ

$$\text{NAV} = \text{Tổng tài sản có của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của Quỹ}$$

Trong đó:

- NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- Tổng tài sản có của Quỹ đầu tư VF1: là các khoản tài sản đã được liệt kê tại các điểm 2.1; 2.2 và 2.3 thuộc Điều 2 phần này.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ đầu tư VF1: là các chi phí đã được liệt kê tại Chương XIII của Điều lệ này.

2.4.2. Giá trị đơn vị Quỹ

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: giá trị đơn vị Quỹ
- N: tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành

II. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Thường hoạt động chỉ được trả cho công ty VFM nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 do công ty VFM quản lý cao hơn chỉ số căn bản (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thường hoạt động mà công ty VFM sẽ nhận được bằng 20% của L_i (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tăng trưởng} &= V_i / V_{i-1} \\ \text{Chỉ số căn bản} &= I + 2\% \\ L_i &= V_i - V_{i-1} * [100\% + (I + 2\%)] \end{aligned}$$

Trong đó:

- L_i : khoản liên quan theo đó khoản thường hoạt động hàng năm được tính.
- V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i được xác định dựa theo nguyên tắc được đề cập tại phần 8 của bản cáo bạch này.
- I : Lãi suất trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm do Nhà nước Việt Nam phát hành được giao dịch trên TTCK Việt Nam vào thời điểm định giá. Nếu không có lãi suất của trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm thì lấy lãi suất của trái phiếu có thời hạn dài nhất tương đương có thể.
 - Trái phiếu Chính phủ: là trái phiếu do chính phủ Việt Nam phát hành và đảm bảo thanh toán
 - Lãi suất: là lãi suất phát hành của trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm hoặc lãi suất giao dịch của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn tương đương trên TTCK với khối lượng đủ lớn vào thời điểm gần nhất so với lúc định giá. Trong trường hợp chênh lệch giữa lãi suất phát hành và lãi suất giao dịch trên TTCK lớn hơn 1% thì lãi suất dùng để định giá là trung bình của hai lãi suất kể trên.

Ví dụ minh họa

Năm thứ nhất

$$V_0 = 300 \text{ tỷ đồng} \quad V_1 = 340 \text{ tỷ đồng}$$

$$I_1 = 8,5 \%$$

Như vậy:

$$\begin{aligned} L_1 &= 340 \text{ tỷ d} - 300 \text{ tỷ d} * [100\% + (8,5\% + 2\%)] \\ &= 8,5 \text{ tỷ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \Rightarrow \text{Thường hoạt động trong năm đầu tiên của VFM} &= 20\% * 8,5 \text{ tỷ d} \\ &= 1,7 \text{ tỷ đồng} \end{aligned}$$

Năm thứ hai:

$$V_2 = 380 \text{ tỷ đồng} \quad I_2 = 8,5\%$$

Như vậy:

$$\begin{aligned} L_2 &= 380 \text{ tỷ d} - 340 \text{ tỷ d} * [100\% + (8,5\% + 2\%)] \\ &= 4,3 \text{ tỷ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \Rightarrow \text{Thường hoạt động trong năm thứ hai của VFM} &= 20\% * 4,3 \text{ tỷ d} \\ &= 0,86 \text{ tỷ đồng} \end{aligned}$$

Năm thứ ba:

$$V_3 = 400 \text{ tỷ đồng} \quad I_3 = 8\%$$

Như vậy:

$$L_3 = 400 \text{ tỷ d} - 380 \text{ tỷ d} * [100\% + (8\% + 2\%)] < 0$$

VFM không được thường hoạt động trong năm thứ ba.